

Số: 07/2014/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2014

THÔNG TƯ

Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Văn phòng các chương trình trọng điểm cấp nhà nước và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước dưới các hình thức đề tài khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là đề tài); dự án sản xuất thử nghiệm (sau đây gọi tắt là dự án); đề án khoa học; dự án khoa học và công nghệ; chương trình khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là chương trình).

2. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo nghị định thư, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến bí mật quốc gia không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

3. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia* (sau đây gọi tắt là *đề xuất đặt hàng*) là các yêu cầu đặt ra cho khoa học và công nghệ dưới dạng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia nhằm thực hiện yêu cầu của lãnh đạo Đảng, Nhà nước hoặc đáp ứng nhu cầu thực tiễn của công tác quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển khoa học và công nghệ cho các ngành, địa phương và quốc gia do các bộ, cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan nhà nước khác ở trung ương (sau đây gọi chung là bộ, ngành và địa phương) *đề xuất* với Bộ Khoa học và Công nghệ để *đặt hàng* các tổ chức và cá nhân thực hiện.

2. *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng* là đề tài, dự án; đề án khoa học; dự án khoa học và công nghệ hoặc chương trình có tên gọi và các mục thể hiện yêu cầu cơ bản đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ làm căn cứ để Bộ Khoa học và Công nghệ đặt hàng cho tổ chức và cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện.

Điều 3. Căn cứ để xây dựng đề xuất đặt hàng

1. Các yêu cầu của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước.
2. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cơ quan, tổ chức, cá nhân;
3. Chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và bộ, ngành và địa phương;
4. Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ và phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ giai đoạn 5 năm hoặc 10 năm của quốc gia.
5. Những vấn đề khoa học và công nghệ đặc biệt quan trọng nhằm giải quyết yêu cầu khẩn cấp của quốc gia về an ninh, quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng đề xuất đặt hàng

1. Có đủ căn cứ về tính cấp thiết và triển vọng đóng góp của các kết quả tạo ra vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển ngành, lĩnh vực hoặc địa phương.
2. Đáp ứng các tiêu chí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ.
3. Có địa chỉ ứng dụng cho các kết quả chính tạo ra và được lãnh đạo bộ, ngành và địa phương cam kết sử dụng kết quả tạo ra khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn thành. Tổ chức, cơ quan ứng dụng kết quả dự kiến có đủ uy tín và năng lực để tiếp nhận và triển khai một cách hiệu quả sản phẩm tạo ra.

4. Có yêu cầu thời gian (tính từ thời điểm đặt hàng đến thời điểm có kết quả) phù hợp để đảm bảo tính khả thi cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 5. Trình tự xác định nhiệm vụ khoa học công nghệ đặt hàng

1. Bộ, ngành và địa phương tổng hợp đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo những căn cứ quy định tại Điều 3 Thông tư này; xây dựng và phê duyệt *đề xuất đặt hàng* nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia và gửi *đề xuất đặt hàng* cho Bộ Khoa học và Công nghệ.

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ động xây dựng *đề xuất đặt hàng* cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo những căn cứ quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 3 Thông tư này hoặc theo các yêu cầu của lãnh đạo Đảng và Nhà nước.

2. *Đề xuất đặt hàng* được xây dựng theo trình tự qui định tại Chương III của Thông tư này.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp *đề xuất đặt hàng* và tổ chức hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia (gọi tắt là hội đồng hoặc hội đồng tư vấn) theo các qui định tại Chương IV của Thông tư này để xác định đề tài, dự án; đề án khoa học; dự án khoa học và công nghệ hoặc chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia và công bố công khai đề tài, dự án; đề án khoa học; dự án khoa học và công nghệ đặt hàng để các tổ chức, cá nhân có năng lực tham gia tuyển chọn hoặc xét giao trực tiếp.

Chương II **YÊU CẦU ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ** **KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA**

Điều 6. Yêu cầu đối với đề tài, dự án

Đề tài, dự án phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chung và yêu cầu riêng cho từng loại, cụ thể như sau:

1. Yêu cầu chung

a) Có tính cấp thiết cao hoặc tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trong phạm vi cả nước;

b) Các vấn đề khoa học cần phải huy động nguồn lực khoa học công nghệ (nhân lực khoa học và công nghệ hoặc nguồn tài chính) của quốc gia hoặc góp phần giải quyết những nhiệm vụ mang tính liên vùng, liên ngành; vấn đề khoa học và công nghệ đặc biệt quan trọng nhằm giải quyết yêu cầu khẩn cấp của

quốc gia về an ninh, quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ.

c) Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện.

2. Yêu cầu riêng đối với đề tài

a) Đề tài trong lĩnh vực khoa học công nghệ và kỹ thuật (sau đây gọi là đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ) phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ dự kiến: có triển vọng lớn tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả nhưng chưa được nghiên cứu, ứng dụng ở Việt Nam; được hoàn thành ở dạng mẫu và sẵn sàng chuyển sang giai đoạn sản xuất thử nghiệm; có khả năng được cấp bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc bằng bảo hộ giống cây trồng;

- Có phương án khả thi để phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm.

b) Đối với đề tài trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: kết quả đảm bảo tạo ra được luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước.

c) Đối với đề tài trong các lĩnh vực khác: sản phẩm khoa học và công nghệ đảm bảo tính mới, tính tiên tiến so với các kết quả đã được tạo ra tại Việt Nam hoặc quốc tế thông qua các công bố trong nước và quốc tế hoặc có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và an sinh xã hội.

3. Yêu cầu riêng đối với dự án

a) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ có xuất xứ từ kết quả nghiên cứu của đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ đã được hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng hoặc là kết quả khai thác sáng chế hoặc giải pháp hữu ích;

b) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến đảm bảo tính ổn định ở qui mô sản xuất loạt nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển sản phẩm ở qui mô sản xuất hàng loạt;

c) Có khả năng huy động được nguồn kinh phí để thực hiện thông qua sự cam kết hợp tác với doanh nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước.

Điều 7. Yêu cầu đối với đề án khoa học

Kết quả nghiên cứu là những đề xuất hoặc dự thảo cơ chế chính sách, quy trình, quy phạm, văn bản pháp luật với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn

phục vụ việc hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước.

Điều 8. Yêu cầu đối với dự án khoa học và công nghệ

Dự án khoa học và công nghệ phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Giải quyết vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực, ưu tiên, mũi nhọn được Thủ tướng Chính phủ hoặc bộ, ngành và địa phương phê duyệt;

2. Kết quả tạo ra đảm bảo được áp dụng và nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư sản xuất; có ý nghĩa tác động lâu dài tới sự phát triển khoa học và công nghệ của ngành, lĩnh vực.

3. Có phương án tin cậy trong việc huy động các nguồn tài chính ngoài ngân sách và được các tổ chức tài chính, tín dụng, quỹ xác nhận tài trợ hoặc bảo đảm.

4. Tiến độ thực hiện phù hợp với tiến độ triển khai dự án đầu tư sản xuất, đề án phát triển kinh tế - xã hội; có thời gian thực hiện không quá 5 năm.

Điều 9. Yêu cầu đối với chương trình khoa học và công nghệ

Chương trình khoa học và công nghệ phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Có mục tiêu tạo ra kết quả khoa học và công nghệ phục vụ một trong định hướng lớn sau: phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong một hoặc một số lĩnh vực trong giai đoạn 5 năm hoặc 10 năm; phát triển hướng công nghệ ưu tiên; phát triển các sản phẩm trọng điểm, chủ lực của đất nước hoặc phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia;

2. Nội dung bao gồm những nhiệm vụ khoa học và công nghệ có quan hệ trực tiếp và gián tiếp với nhau về chuyên môn và phù hợp với nguồn lực khoa học và công nghệ trong nước.

3. Các kết quả đều thể hiện tính mới, tính tiên tiến, có khả năng ứng dụng cao và đáp ứng được các mục tiêu của chương trình.

4. Có thời gian thực hiện không quá 10 năm và tiến độ triển khai phù hợp với mục tiêu của chương trình.

Chương III

TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐỀ XUẤT ĐẠT HÀNG

Điều 10. Tổng hợp nhu cầu đối với khoa học và công nghệ

1. Định kỳ hoặc theo tính cấp thiết, các bộ, ngành và địa phương thông báo định hướng phát triển khoa học và công nghệ ưu tiên của quốc gia, bộ ngành và địa phương và thời hạn để các cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các tổ chức, cá nhân được thực hiện theo Mẫu A1-ĐXNV ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bộ, ngành và địa phương tổng hợp các đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và tự đề xuất những vấn đề khoa học và công nghệ cần giải quyết theo các căn cứ quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 5 Điều 3 Thông tư này; gửi cho các bộ, ngành và địa phương có liên quan văn bản đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc những vấn đề khoa học và công nghệ không thuộc phạm vi, lĩnh vực của bộ, ngành hoặc địa phương mình.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ động tổng hợp những vấn đề khoa học cần giải quyết theo các căn cứ quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 5 Điều 3 Thông tư này.

Điều 11. Xây dựng đề xuất đặt hàng

1. Bộ, ngành và địa phương xem xét lựa chọn các vấn đề khoa học và công nghệ đã được tổng hợp theo Khoản 2, Điều 10 để xây dựng *đề xuất đặt hàng* đáp ứng các yêu cầu qui định tại Điều 4 Thông tư này. Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng *đề xuất đặt hàng* trên cơ sở những vấn đề khoa học và công nghệ đã được tổng hợp theo Khoản 3, Điều 10 Thông tư này.

2. Bộ, ngành và địa phương tự xây dựng *đề xuất đặt hàng* hoặc có thể mời chuyên gia, nhóm chuyên gia, tổ chức, cơ quan dự kiến hưởng thụ kết quả nghiên cứu tham gia xây dựng *đề xuất đặt hàng*.

3. Đề xuất đặt hàng được xây dựng theo các mẫu ban hành kèm theo Thông tư này: đề tài hoặc đề án khoa học theo Mẫu B1-ĐXĐH; dự án theo Mẫu B2-ĐXĐH; dự án khoa học và công nghệ theo Mẫu B3-ĐXĐH và chương trình khoa học và công nghệ theo Mẫu B4-ĐXĐH.

Điều 12. Hoàn thiện đề xuất đặt hàng

1. Bộ, ngành và địa phương tổ chức lấy ý kiến tư vấn thông qua hội đồng tư vấn hoặc chuyên gia độc lập đối với *đề xuất đặt hàng* đã được xây dựng theo các quy định của Điều 11 Thông tư này trước khi gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Trên cơ sở ý kiến tư vấn, bộ, ngành và địa phương hoàn thiện *đề xuất đặt hàng*. Lãnh đạo bộ, ngành và địa phương ký duyệt và gửi *đề xuất đặt hàng* cho Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. *Đề xuất đặt hàng* gửi Bộ Khoa học và Công nghệ bao gồm:

a) Phiếu đề xuất đặt hàng theo các mẫu quy định tại Khoản 3 Điều 11 Thông tư này;

b) Biên bản làm việc của hội đồng tư vấn hoặc ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập đối với *đề xuất đặt hàng* là phụ lục của *đề xuất đặt hàng*.

Điều 13. Tổng hợp đề xuất đặt hàng

1. Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp *đề xuất đặt hàng* và xem xét, đánh giá sơ bộ về tính đầy đủ và cấp thiết của đề xuất đặt hàng.

2. *Đề xuất đặt hàng* được đánh giá “đạt yêu cầu” sơ bộ khi đáp ứng 02 yêu cầu sau:

- a) Đầy đủ thông tin trong Phiếu đề xuất đặt hàng và phụ lục kèm theo;
- b) Có đủ cơ sở về tính cấp thiết của nhiệm vụ đề xuất.

3. Đối với *đề xuất đặt hàng* được đánh giá “đạt yêu cầu”, Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức lấy ý kiến tư vấn để xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề xuất đặt hàng, vụ trưởng các vụ chuyên ngành hoặc thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ uỷ quyền thông báo kết quả đánh giá sơ bộ và thời gian dự kiến tổ chức các hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với *đề xuất đặt hàng* “đạt yêu cầu” cho các bộ, ngành và địa phương có đề xuất đặt hàng.

Chương IV **TỔ CHỨC XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ** **KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA**

Điều 14. Nội dung thể hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng

1. Nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng được thể hiện qua tên gọi và 02 mục: *Định hướng mục tiêu* và *Yêu cầu đối với kết quả*, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu qui định tại các điều 6, 7, 8 và 9 Thông tư này.

2. Mục *Yêu cầu đối với kết quả* cần bao gồm các thông số kỹ thuật, yêu cầu về số lượng, chất lượng hoặc chỉ tiêu định lượng, định tính cụ thể của sản phẩm tạo ra. Tùy theo từng loại hình nhiệm vụ khoa học và công nghệ các yêu cầu này cần được thể hiện như sau:

a) Đối với đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ: các yêu cầu đối với công nghệ hoặc sản phẩm ở giai đoạn tạo sản phẩm mẫu và các yêu cầu đối với phương án phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm.

b) Đối với đề tài khác: các yêu cầu tính mới và mức độ tiên tiến của sản phẩm và các yêu cầu khác.

c) Đối với dự án: các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt của sản phẩm và qui mô sản xuất thử nghiệm.

d) Đối với đề án khoa học: các yêu cầu về tính khoa học và tính thực tiễn của sản phẩm và các yêu cầu khác.

đ) Đối với dự án khoa học và công nghệ: các sản phẩm khoa học công nghệ cùng với các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương ứng đảm bảo sự gắn kết và tính đồng bộ theo quy trình sản xuất hoặc chuỗi thời gian.

e) Đối với chương trình khoa học và công nghệ: các loại sản phẩm dự kiến; số lượng và các chỉ tiêu định lượng hoặc định tính tương ứng, đảm bảo sự quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với nhau và thống nhất với mục tiêu đề ra.

Điều 15. Thành lập hội đồng tư vấn

1. Theo tiến độ đề xuất đặt hàng, Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập hội đồng tư vấn để xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ dưới các hình thức đề tài, dự án; đề án khoa học; dự án khoa học và công nghệ hoặc chương trình;

2. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn theo chuyên ngành khoa học và công nghệ phù hợp với lĩnh vực của đề xuất đặt hàng. Hội đồng có thể tư vấn cho một hoặc một số *đề xuất đặt hàng* trong cùng lĩnh vực hoặc chuyên ngành khoa học và công nghệ.

Điều 16. Thành phần hội đồng tư vấn

1. Hội đồng tư vấn có chủ tịch, phó chủ tịch và các thành viên. Chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng và thành viên của hội đồng tư vấn là các chuyên gia khoa học và công nghệ hoặc cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn, thuộc các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp dự kiến thụ hưởng kết quả nghiên cứu. Chuyên gia khoa học và công nghệ tham gia hội đồng phải thuộc cơ sở dữ liệu chuyên gia của Bộ Khoa học và Công nghệ. Bộ Khoa học và Công nghệ chỉ định ít nhất 02 thành viên có chuyên môn sâu trong hội đồng làm chuyên gia phản biện cho mỗi đề xuất đặt hàng.

2. Hội đồng tư vấn xác định đề tài, dự án, dự án khoa học và công nghệ có 9 thành viên. Cơ cấu hội đồng gồm: 06 thành viên là các chuyên gia khoa học và công nghệ; 03 thành viên thuộc cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức sản xuất - kinh doanh, doanh nghiệp và các tổ chức khác có liên quan hoặc dự kiến thụ hưởng kết quả nghiên cứu

3. Hội đồng tư vấn xác định đề án khoa học có 9 thành viên. Cơ cấu hội đồng gồm: 03 thành viên là các chuyên gia khoa học và công nghệ; 06 thành viên thuộc cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức khác có liên quan.

4. Hội đồng tư vấn xác định chương trình khoa học và công nghệ có 11 thành viên. Cơ cấu hội đồng gồm: 06 thành viên là các chuyên gia khoa học và công nghệ; 05 thành viên thuộc cơ quan quản lý nhà nước (trong đó có 01 thành viên từ bộ, ngành và địa phương có đề xuất đặt hàng), tổ chức sản xuất - kinh doanh, doanh nghiệp và các tổ chức khác có liên quan.

5. Trường hợp đặc biệt do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của đề xuất đặt hàng, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần hội đồng khác với qui định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này hoặc lựa chọn chuyên gia khoa học và công nghệ ngoài cơ sở dữ liệu chuyên gia của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 17. Phương thức làm việc của hội đồng tư vấn

1. Phiên họp của hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của hội đồng, trong đó phải có chủ tịch hoặc phó chủ tịch được chủ tịch hội đồng ủy quyền, các chuyên gia phản biện và uỷ viên thư ký khoa học.

2. Thành viên hội đồng tư vấn có trách nhiệm:

a) Nghiên cứu tài liệu do Bộ Khoa học và Công nghệ cung cấp và chuẩn bị ý kiến nhận xét đánh giá đề xuất đặt hàng theo mẫu quy định ban hành kèm theo thông tư này: Mẫu C1-TVHĐ đối với đề tài, dự án; Mẫu C2-TVHĐ đối với đề án khoa học; Mẫu C3-TVHĐ đối với dự án khoa học và công nghệ và Mẫu C4-TVHĐ đối với chương trình;

b) Gửi ý kiến đã chuẩn bị cho thư ký hành chính của hội đồng trước phiên họp của hội đồng 01 ngày làm việc;

c) Các chuyên gia phản biện có trách nhiệm chỉnh sửa hoặc xây dựng các nội dung mới cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ dự kiến đặt hàng để thảo luận trong cuộc họp của hội đồng.

3. Tài liệu được gửi đến các thành viên hội đồng ít nhất 05 ngày làm việc trước phiên họp hội đồng. Tài liệu gồm:

a) *Đề xuất đặt hàng* và ý kiến tư vấn của hội đồng tư vấn hoặc chuyên gia của bộ, ngành và địa phương;

b) Trích lục yêu cầu quy định tại các điều 6, 7, 8, 9 và 14 của Thông tư này;

c) Các biểu mẫu, phụ lục cần thiết phù hợp với đề xuất đặt hàng nêu tại Khoản 2 Điều này.

d) Kết quả tra cứu thông tin (theo Mẫu C0-KQTrC ban hành kèm theo Thông tư này) của các đề tài, dự án sử dụng ngân sách nhà nước có liên quan đã và đang thực hiện đối với *đề xuất đặt hàng* dưới hình thức đề tài, dự án.

đ) Tài liệu chuyên môn liên quan khác (nếu có).

4. Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Các ý kiến kết luận của hội đồng được thông qua khi trên 3/4 số thành viên của hội đồng có mặt nhất trí bằng hình thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín.

5. Các ý kiến khác nhau của thành viên được thư ký khoa học của hội đồng tổng hợp để hội đồng thảo luận và biểu quyết thông qua. Thành viên hội đồng có thể yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của hội đồng. Thành viên hội đồng chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của hội đồng.

6. Đại diện các bộ ngành, địa phương có *đề xuất đặt hàng* được mời tham dự phiên họp của hội đồng.

7. Bộ Khoa học và Công nghệ cử thư ký hành chính giúp việc chuẩn bị tài liệu và tổ chức các phiên họp của hội đồng.

Điều 18. Trình tự, thủ tục làm việc của hội đồng

1. Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập hội đồng.

2. Đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ tóm tắt các yêu cầu đối với hội đồng.

3. Chủ tịch hội đồng chủ trì các phiên họp của hội đồng. Trường hợp Chủ tịch hội đồng vắng mặt, Chủ tịch hội đồng ủy quyền bằng văn bản cho phó Chủ tịch chủ trì phiên họp.

4. Hội đồng cử hoặc bầu một thành viên làm thư ký khoa học để ghi chép các ý kiến thảo luận và lập biên bản các phiên họp của hội đồng.

5. Hội đồng bầu ban kiểm phiếu để tổng hợp ý kiến của các thành viên hội đồng.

6. Chuyên gia phản biện và hội đồng thảo luận theo các nội dung tương ứng với hình thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại các điều 19, 20, 21, và 22 Thông tư này.

7. Các thành viên hội đồng đánh giá đề xuất đặt hàng và bỏ *Phiếu đánh giá* đề xuất đặt hàng theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này: Mẫu C1-PĐG đối với đề tài, dự án; Mẫu C2-PĐG đối với đề án khoa học; Mẫu C3-PĐG đối với dự án khoa học và công nghệ và Mẫu C4-PĐG đối với chương trình.

Đề xuất đặt hàng được đề nghị “thực hiện” khi tất cả các nội dung trong *Phiếu đánh giá* được đánh giá “đạt yêu cầu” và đề nghị “không thực hiện” khi một trong các nội dung trên được đánh giá “không đạt yêu cầu”.

8. Ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên hội đồng theo Mẫu C5-BBKP ban hành kèm theo Thông tư này và công bố công khai kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp của hội đồng.

9. Đối với *đề xuất đặt hàng được* đề nghị “thực hiện”, các chuyên gia phản biện trình bày các nội dung dự kiến của nhiệm vụ khoa học công nghệ đặt hàng. Hội đồng chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện các mục của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng theo các yêu cầu quy định tại Điều 14 Thông tư này.

10. Đối với đề tài, dự án, đề án khoa học và dự án khoa học công nghệ đặt hàng, Hội đồng kiến nghị về phương thức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp), kể cả việc mời chuyên gia, nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài cùng tham gia nghiên cứu giải quyết nhiệm vụ.

11. Đối với *đề xuất đặt hàng được* đề nghị “không thực hiện” hội đồng thống nhất ý kiến đánh giá về lý do không đề nghị thực hiện.

12. Hội đồng tiến hành xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho từng đề xuất đặt hàng theo các bước qui định tại các khoản 6, 7, 8, 9, 10 và 11 Điều này trong trường hợp có 02 hoặc nhiều *đề xuất đặt hàng* và biểu quyết việc xếp thứ tự ưu tiên cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng.

13. Thư ký khoa học lập biên bản làm việc của hội đồng theo Mẫu D1-BBHD ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 19. Nội dung thảo luận của hội đồng xác định đề tài, dự án

Các chuyên gia phản biện và hội đồng phân tích, thảo luận và đánh giá *đề xuất đặt hàng* về các nội dung sau:

1. Tính cấp thiết của việc thực hiện đề tài, dự án trong đề xuất đặt hàng.
2. Tính liên ngành, liên vùng và tầm quan trọng của vấn đề khoa học đặt ra trong nhiệm vụ đề xuất.
3. Khả năng không trùng lặp của đề tài, dự án với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện.
4. Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực khoa học và công nghệ quốc gia cho việc thực hiện đề tài, dự án.
5. Khả năng huy động được nguồn kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện đối với dự án.

Điều 20. Nội dung thảo luận của hội đồng xác định đề án khoa học

Các chuyên gia phản biện và hội đồng phân tích, thảo luận và đánh giá *đề xuất đặt hàng* về các nội dung sau:

1. Tính cấp thiết và triển vọng ứng dụng của các kết quả vào việc xây dựng và hoạch định chính sách của các cơ quan quản lý.
2. Tính liên ngành, liên vùng của vấn đề khoa học đặt ra trong đề xuất đặt hàng.
3. Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực quốc gia cho việc thực hiện đề án khoa học.

Điều 21. Nội dung thảo luận của hội đồng xác định dự án khoa học và công nghệ

Các chuyên gia phản biện và hội đồng phân tích, thảo luận và đánh giá *đề xuất đặt hàng* về các nội dung sau:

1. Tính cấp thiết và mục tiêu của đề xuất đặt hàng trong việc sản xuất các sản phẩm trọng điểm chủ lực của bộ, ngành địa phương và của quốc gia.
2. Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực quốc gia cho việc thực hiện đề xuất đặt hàng.
3. Tính khả thi của dự án khoa học và công nghệ thể hiện qua các nội dung đặt ra trong đề xuất đặt hàng.

Điều 22. Nội dung thảo luận của hội đồng xác định chương trình khoa học và công nghệ

Các chuyên gia phản biện và hội đồng phân tích, thảo luận và đánh giá *đề xuất đặt hàng* về các nội dung sau:

1. Tính cấp thiết của việc thực hiện chương trình và triển vọng đóng góp của các kết quả tạo ra từ việc thực hiện chương trình.

2. Mục tiêu của chương trình đối với định hướng phát triển khoa học và công nghệ 5 năm hoặc 10 năm; hướng phát triển công nghệ ưu tiên; phát triển các sản phẩm trọng điểm, chủ lực của đất nước hoặc đối với mục tiêu của chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Nội dung thực hiện chính và các kết quả tạo khi kết thúc chương trình so với các mục tiêu của chương trình.

4. Thời gian thực hiện và tiến độ phù hợp để triển khai các nội dung của chương trình.

Điều 23. Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng, vụ trưởng các vụ chuyên ngành hoặc thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ rà soát trình tự, thủ tục làm việc của hội đồng, xem xét các ý kiến tư vấn của hội đồng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng theo các yêu cầu nêu tại các điều 6, 7, 8 và 9 Thông tư này. Trường hợp cần thiết thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nói trên đề xuất Bộ trưởng lấy ý kiến tư vấn của 01 đến 02 chuyên gia tư vấn độc lập trong nước, nước ngoài hoặc thành lập hội đồng khác để xác định lại nhiệm vụ khoa học và công nghệ và lấy ý kiến của các cơ quan liên quan.

2. Trên cơ sở kết quả của việc rà soát và ý kiến tư vấn quy định tại Khoản 1 Điều này, Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố công khai đề tài, dự án, đề án khoa học hoặc dự án khoa học và công nghệ đặt hàng trên cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ để tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện. Đối với chương trình khoa học và công nghệ đặt hàng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét giao cho tổ chức, cơ quan đủ năng lực triển khai thực hiện.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho các bộ ngành địa phương có *đề xuất đặt hàng* trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 7 năm 2014 và thay thế Thông tư 06/2012/TT-BKH-CN ngày 12/03/2012 của Bộ Khoa học và

Công nghệ về việc xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thể vận dụng hướng dẫn tại Thông tư này ban hành qui định xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành và địa phương mình.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi bổ sung./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng CP (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo VPCP;
- Lưu: VT, VPCCTĐ.

(Đã ký)

Nguyễn Quân